TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày 25-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Sang

Ông Nguyễn Minh Cưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Vũ Ánh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc B; sinh năm 1976; cư trú tại ấp CN, xã LA, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tài là Luật sư – Văn phòng Luật sư Mai Thiên Thơ. (có mặt)

-Bị đơn:

1.Bà Nguyễn Cẩm L (LL); địa chỉ ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; cư trú tại ấp 19, xã PT, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

2.Ông Lê Văn D; cư trú tại ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Ông Nguyễn Trường G; cư trú tại ấp CN, xã LA, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2.Bà Lê Thị N; cư trú tại ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2022, biên bản hòa giải ngày 07/02/2023, ngày 21/3/2023 cũng như tại phiên tòa bà Ngô Ngọc B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Ngọc B cùng thống nhất trình bày:*

Do ở cùng xóm với ông D nên bà B quen biết ông D và bà L. Vào ngày 02/10/2019 âm lịch ông D và bà L có đến nhà bà B tại ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau để vay số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận thanh toán hàng tháng là 6.000.000 đồng/tháng/90.000.000 đồng. Khi vay tiền bà L là người viết biên nhận và cùng với ông D ký tên biên nhận. Từ khi vay đến nay ông D có gửi cho bà N nhận được hai tháng tiền lãi với số tiền 12.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông D, bà L không thanh toán lãi và vốn theo thỏa thuận với bà B. Nay bà B yêu cầu ông D và bà L cùng có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn vay 90.000.000 đồng, lãi suất theo quy định 20%/năm tính từ ngày 02/12/2019 đến nay với số tiền 54.000.000 đồng. Tổng số tiền bà B yêu cầu ông D và bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà là 144.000.000 đồng.

**Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/02/2023, biên bản hòa giải ngày 07/02/2023, biên bản hòa giải ngày 21/3/2023 ông Lê Văn D trình bày:*

Do bà B làm vuông gần nhà ông D. Bà L thường vào nhà ông D chơi và có nói cần vay tiền nên ông D giới thiệu cho bà L quen biết bà B vì bà B có cho vay tiền. Vào ngày 02/10/2019 bà L vay 90.000.000 đồng của bà B. Khi bà B giao tiền do bà L nhận trực tiếp và bà L viết biên nhận ngày 02/10/2019. Ông D có cùng ký tên vào biên nhận với bà L. Lãi suất thỏa thuận 6.000.000 đồng/tháng/90.000.000 đồng. Sau khi bà L vay tiền thì ông D có nhận của bà L 12.000.000 đồng về đóng lãi cho bà B (đóng hai tháng lãi) do em bà B là Lê Thị N nhận. Từ đó đến nay ông D không có đóng lãi hay trả tiền vốn dùm bà L.

Tại buổi hòa giải, ông D không thống nhất cùng với bà L thanh toán số tiền 144.000.000 đồng theo yêu cầu của bà B vì ông D chỉ ký tên biên nhận để làm chứng

cho việc bà L vay tiền của bà B chứ không phải ông D vay tiền của bà B. Số tiền bà B yêu cầu là do bà L vay nên bà L tự thanh toán.

**Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2023 bà Nguyễn Cẩm L trình bày:*

Bà L thống nhất với phần trình bày của ông D. Giữa bà L và ông D chỉ quen biết nhau nhưng bà và ông D có cùng ký biên nhận vay số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 02/10/2019 âm lịch. Tuy nhiên số tiền vay do bà L nhận sử dụng không liên quan đến ông D. Trong số tiền vay 90.000.000 đồng bà L vay hai lần, cụ thể như sau:

-Lần 01 vào năm 2017 nhưng bà L không nhớ thời gian cụ thể. Khi vay có làm biên nhận nhưng do bà B giữ. Số tiền vay là 80.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000 đồng/tháng. Bà L nhận tiền tại chòi vuông bà B ở ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Hàng tháng bà L đóng tiền cho bà B và có gửi cho ông D 12.000.000 đồng để đóng lãi dùm bà L.

-Lần 02 vay ngày 02/10/2019 âm lịch: Số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 500.000đồng/tháng. Do số tiền vay năm 2017 chưa thanh toán vốn nên bà L, ông D ký biên nhận tổng số tiền vay vốn gộp lại của hai lần vay là 90.000.000 đồng. lãi suất thỏa thuận hàng tháng là 6.500.000 đồng. Bà L đóng lãi trực tiếp cho bà B được khoảng 4 đến năm tháng tại chòi vuông bà B. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà L đi làm và đến nay chưa thanh toán vốn và lãi cho bà B như thỏa thuận.

Tại buổi hòa giải, bà L thống nhất cùng ông D thanh toán số tiền vốn cho bà B 90.000.000 đồng, hàng tháng sẽ cùng với ông D thanh toán cho bà B 4.000.000 đồng. Số tiền lãi còn lại bà L xin không phải thanh toán vì hoàn cảnh khó khăn.

**Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2023 cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Trường G trình bày:*

Ông G thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà B. Số tiền nợ của bà L, ông D là tiền chung của vợ chồng ông G, bà B. Nay ông G yêu cầu ông D và bà L hoàn trả cho vợ chồng ông tổng số tiền lãi và vốn là 144.000.000 đồng như bà B yêu cầu.

**Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2023 bà Lê Thị N trình bày:*

Bà N thừa nhận có nhận 12.000.000 đồng do ông D đưa trực tiếp cho bà N để trừ vào số tiền hụi bà B đóng cho bà N nhưng do lâu quá bà không nhớ thời gian cụ thể bà nhận số tiền 12.000.000 đồng. Khi ông D đưa tiền cho bà N ông D có nói là tiền của bà B gửi để đóng hụi cho bà N.

Đối với khoản tiền vay của bà B với ông D và bà L bà N không biết rõ và không có ý kiến yêu cầu tại vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Bà B yêu cầu ông D và bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay vốn và lãi là 144.000.000 đồng theo biên nhận vay tiền ngày 02/10/2019 âm lịch. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa có cơ sở cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B buộc ông D và bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, ông G tổng số tiền vốn và lãi là 144.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ngô Ngọc B khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn D và bà Nguyễn Cẩm L thanh toán tiền vay còn nợ theo biên nhận ngày 02/10/2019 âm lịch nên đây là tranh chấp vụ án dân sự về việc hợp đồng vay tài sản; Bị đơn là anh D có địa chỉ tại ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D, bà L, bà N nhưng ông D, bà L, bà N vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà L, bà N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu ông D và bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 90.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm tính từ khi vay đến nay với số tiền 54.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/10/2019 âm lịch. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải ông D, bà L thừa nhận có vay số tiền vốn 90.000.000 đồng chưa thanh toán và có viết biên nhận ngày 02/10/2019 âm lịch nên có cơ sở cho rằng hợp đồng vay tài sản có xảy ra vì đã được các bên thừa nhận.

[4] Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2023 bà L cho rằng vào năm 2017 bà L vay 80.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000 đồng/tháng và bà L có gửi cho ông D số tiền 12.000.000 đồng để đóng lãi. Tuy nhiên do chưa thanh toán vốn cho bà B nên đến ngày 02/10/2019 bà L vay tiếp số tiền vốn 10.000.000 đồng và viết biên nhận tổng số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng là chưa có cơ sở. Bởi vì, tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 07/3/2023 ông D xác định ông D là người cùng ký biên nhận với bà L và chứng kiến việc bà L vay tiền của bà B với số tiền do bà L trực tiếp nhận là 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng/90.000.000 đồng vào ngày 02/10/2019 âm lịch. Đồng thời ông D xác định sau khi bà L vay tiền có gửi cho ông D 12.000.000 đồng để đóng lãi cho bà B do bà N nhận là phù hợp với lời khai của bà N, bà B.

[5] Đối với việc ông D cho rằng ông D ký tên là để chứng kiến cho việc bà L vay tiền của bà B nhưng biên nhận ngày 02/10/2019 âm lịch không thể hiện ông D là người chứng kiến mà thể hiện nội dung ông D và bà L nhận của bà B tổng số tiền 90.000.000 đồng nên ông D và bà L phải có trách nhiệm liên đới cùng thanh toán khoản tiền vay theo biên nhận ngày 02/10/2019 âm lịch là có cơ sở phù hợp với biên bản hòa giải ngày 21/3/2023 của ông D, bà L. Bà L cho rằng bà vay tiền hai lần với tổng số tiền vốn đã nhận chưa thanh toán là 90.000.000 đồng và có đóng lãi nhiều lần cho bà B nhưng quá trình giải quyết vụ án bà B chỉ thừa nhận có nhận số tiền đóng lãi 12.000.000 đồng; ngoài ra bà L và ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông D và bà L nên không có cơ sở xem xét đối với số tiền lãi bà L cho rằng có đóng nhiều lần cho bà B ngoài số tiền lãi 12.000.000 đồng bà N nhận.

[6] Bà B yêu cầu bà L và ông D thanh toán số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 02/10/2019 âm lịch với số tiền 54.000.000 đồng. Xét thấy, khi vay tiền các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng vượt so với quy định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà B yêu cầu mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm và thống nhất đối trừ số tiền lãi đã nhận 12.000.000 đồng do ông D giao cho bà N là phù hợp. Vì vậy cần điều chỉnh lại cụ thể như sau: Thời gian vay từ ngày 02/10/2019 âm lịch nhằm ngày 04/9/2019 là 3 năm 8 tháng 21 ngày: 90.000.000 đồng x 3 năm 8 tháng 21 ngày x 20%/năm = 67.050.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 67.050.000 đồng đối trừ 12.000.000 đồng bà B đã nhận thì số tiền lãi còn lại là 55.050.000 đồng.

Tại phiên tòa bà B, ông G cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B chỉ yêu cầu ông D và bà L thanh toán số tiền vốn 90.000.000 đồng và lãi là

54.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 1.050.000 đồng bà B không yêu cầu ông D và bà L thanh toán.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông D và bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay theo yêu cầu của bà B và ông G là 90.000.000 đồng và tiền lãi 54.000.000 đồng là có cơ sở.

[7] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D và bà L phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Cẩm L và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Ngô Ngọc B và ông Nguyễn Trường G tổng số tiền vay theo biên nhận ngày 02/10/2019 âm lịch nhằm ngày 04/9/2019 là 144.000.000 đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Ngô Ngọc B và ông Nguyễn Trường G (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Cẩm L và ông Lê Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dan sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm L và ông Lê Văn D phải nộp 7.200.000 đ *(Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).*

Bà Ngô Ngọc B không phải chịu án phí, ngày 30/12/2022 bà B có dự nộp 3.600.000 đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)* theo biên L số 0003271 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang